|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI TRƯỜNG TH PT TRẦN PHÚ- HK** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA KỲ I**  **NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: ĐỊA LÍ 11** |

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Nội dung ôn tập**

Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước

Bài 2. Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

Bài 3. Một số tổ chức khu vực và quốc tế

Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về toàn cầu hóa, khu vực hóa

Bài 5. Một số vấn đề an ninh toàn cầu

**2. Cấu trúc đề thi**

**+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Số lượng câu hỏi: 18 câu

Mỗi câu có 04 phương án, thí sinh chọn 01 đáp án đúng.

**+** **Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai**

Số lượng câu hỏi: 4 câu

Mỗi câu có 04 ý, thí sinh chọn đúng hoặc sai cho từng ý.

**+ Phần III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn**

Số lượng câu hỏi: 6 câu

Thí sinh tô vào các ô tương ứng với đáp án của mình.

**II. MỘT SỐ BÀI TÂP MINH HỌA**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Chỉ số phát triển con người (HDI) được xác định dựa vào các tiêu chí nào sau đây?

**A.** Sức khỏe, học vấn và thu nhập. **B.** Sự hài lòng với thực tế cuộc sống.

**C.** Tuổi thọ trung bình, sự bình đẳng. **D.** Tỉ lệ giới tính, cơ cấu của dân số.

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển với đang phát triển là

**A.** thành phần dân tộc và tôn giáo. **B.** quy mô và cơ cấu dân số.

**C.** trình độ khoa học - kĩ thuật. **D.** nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 3:** Các nước đang phát triển có đặc điểm là

**A.** GNI bình quân đầu người rất cao. **B.** đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)rất nhiều.

**C.** chỉ số phát triển con người rất cao. **D.** cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

**Câu 4:** Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?

**A.** Thu nhập bình quân, cơ cấu ngành kinh tế, chỉ số phát triển con người.

**B.** Thu nhập bình quân, đầu tư ra nước ngoài, chỉ số phát triển con người.

**C.** Cơ cấu ngành kinh tế, chỉ số phát triển con người, đầu tư ra nước ngoài.

**D.** Chỉ số phát triển con người, cơ cấu ngành kinh tế và sức mạnh quân sự.

**Câu 5:** Sự thay đổi trong cơ cấu các ngành công nghiệp của nhóm nước phát triển là do yêu cầu

**A.** tạo ra một khối lượng lớn các sản phẩm công nghiệp.

**B.** tạo ra những sản phẩm công nghiệp có chất lượng tốt.

**C.** tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và hạn chế ô nhiễm.

**D.** cạnh tranh với sản phẩm của các nước đang phát triển.

**Câu 6:** Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

**A.** sản xuất, thương mại, tài chính. **B.** thương mại, tài chính, giáo dục.

**C.** tài chính, giáo dục và chính trị. **D.** giáo dục, chính trị và sản xuất.

**Câu 7:** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

**A.** chung mục tiêu và lợi ích phát triển. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

**C.** tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

**Câu 8:** Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào sau đây?

**A.** Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Lâm nghiệp.

**Câu 9:** Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là

**A.** tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt. **B.** đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.

**C.** gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo. **D.** thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

**Câu 10:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với các công ty đa quốc gia?

**A.** Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa. **B.** Sở hữu nguồn của cải vật chất lớn.

**C.** Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng. **D.** Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.

**Câu 11:** Vấn đề chủ yếu cần giải quyết của các quốc gia trong liên kết kinh tế khu vực là

**A.** tự chủ về kinh tế và quyền lực quốc gia. **B.** hợp tác thương mại, sản xuất hàng hóa.

**C.** trao đổi hàng hóa và mở rộng thị trường. **D.** đào tạo nhân lực và bảo vệ môi trường.

**Câu 12:** Tác động của đại dịch COVID-19 đến đời sống xã hội thế giới là

**A.** làm suy giảm GDP của hầu hết các nước. **B.** làm đình trệ tăng trưởng sản xuất thế giới.

**C.** làm tăng tỉ lệ thất nghiệp khắp toàn cầu. **D.** làm ngành du lịch bị suy giảm trầm trọng.

**Câu 13:** Toàn cầu hóa kinh tế có ảnh hưởng tích cực đến các nước đang phát triển một cách toàn diện về kinh tế thể hiện ở

**A.** Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh; gia tăng sự phục thuộc lẫn nhau về kinh tế; gia tăng các nguồn lực bên ngoài.

**B**. Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh; thúc đẩy cải cách kinh tế; gia tăng các nguồn lực bên ngoài.

**C**. Thúc đẩy cải cách kinh tế, gia tăng các nguồn lực (vốn, lao động, công nghệ,…) cho sự phát triển kinh tế.

**D.** Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia, tăng cường chuyên môn hóa và phân công lao động trên phạm vi quốc tế.

**Câu 14:** Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

**A.** sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. **B.** sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau

**C.** các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn. **D.** ít phụ thuộc lẫn nhau hơn giữa các nền kinh tế.

**Câu 15:** Tại sao trong nền kinh tế tri thức quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng?

**A**.Do tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp.

**B.** Do đây là sự đảm bảo pháp lí cho tri thức và sự đổi mới sáng tạo sẽ tiếp tục được tạo ra, duy trì và phát triển.

**C.** Do quyền sở hữu trí tuệ là cơ sở cho sự đổi mới và sáng tạo tiếp tục duy trì và phát triển.

**D.** Do đây là nguyên tắc cơ bản cho sự vận động và phát triển của nền kinh tế tri thức.

**Câu 16:** Duy trì hòa bình và trật tự thế giới là nhiệm vụ chủ yếu của

**A.** Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

**C.** Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Liên hợp quốc.

**Câu 17:** Đảm bảo sự ổn định tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

**A.** Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

**C.** Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

**Câu 18:** Tổ chức nào sau đây có tiêu là giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên?

**A.** Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

**C.** Liên hợp quốc. **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

**Câu 19:** Tổ chức liên kết kinh tế có tổng GDP lớn nhất hiện nay là

**A.** Liên minh châu Âu (EU).

**B.** Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).

**C.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

**D.** Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

**Câu 20:** Tại sao phải bảo vệ hòa bình thế giới?

**A.** Giúp tăng trưởng kinh tế và tạo ra sự thịnh vượng chung.

**B.** Đảm bảo quyền bình đẳng về phát triển giữa các dân tộc.

**C.** Giải quyết được tình trạng đói nghèo, xung đột vũ trang.

**D.** Tránh xảy ra tranh chấp biên giới, lãnh thổ các quốc gia.

**Câu 21:** Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh lương thực cho các nước là

**A.** cứu trợ nhân đạo khẩn cấp. **B.** tập trung phát triển lương thực.

**C.** sản xuất nông nghiệp bền vững. **D.** phát huy vai trò của các tổ chức.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kì, Nhật Bản, Đức…). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

**a**.Các nước phát triển thường có quy mô nhỏ. **S**

**b**. Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm. **Đ**

**c**. Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP. Đ

**d**. Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định. **S**

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI

GIAI ĐOẠN 2000-2020(Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm/ Trị giá** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2000 | 8 034,8 | 8 003,7 |
| 2015 | 21 280,8 | 20 815,8 |
| 2020 | 22 350,6 | 1. 49,6 |

1. Giá trị xuất khẩu toàn thế giới giai đoạn 2000-2020 tăng liên tục
2. Giá trị nhập khẩu thế giới năm 2005 có giá trị lớn nhất
3. Dạng biểu đồ thích hợp nhất so trị giá xuất nhập khẩu thế giới giai đoạn 2000-2020 là biểu đồ cột.
4. Năm 2020 giá trị xuất khẩu nhỏ hơn giá trị nhập khẩu.

**Câu 3. Cho bảng số liệu:**

**GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nước/ Chỉ tiêu** | | **GNI/Người**  **(USD)** | **Cơ cấu GDP (%)** | | | | **HDI** |
| **N-L-N nghiệp** | **CN và XD** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| Đang phát triển | Bra-xin | 7 800 | 5,9 | 17,7 | 62,8 | 13,6 | 0,758 |
| CH Nam Phi | 6 010 | 2,5 | 23,4 | 64,6 | 9.5 | 0,727 |
| Việt Nam | 3 390 | 12,7 | 36,7 | 41,8 | 8,8 | 0,710 |

**a**.Bra-xin là quốc gia có chỉ số HDI cao nhất **Đ**

**b**. Ngành Nông-lâm-thủy sản chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP của các nước **S**

**c**. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của các nhóm nước là biểu đồ tròn. **Đ**

**d**. GNI/người của các nước tương đồi đồng đều**. S**

**Câu 4.** Hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa Việt Nam vào tốp 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 trên thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỉ USD vốn FDI năm 2021. *(Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam)*

1. Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới. **Đ**
2. Việt Nam thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhờ lợi thế về nguồn lao động. Đ
3. Nguồn lực bên ngoài không ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của nước ta. **S**
4. Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là của vùng ôn đới. S

**Câu 5**: Kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ ….

**a.** Kinh tế tri thức là hệ quả của cuộc Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. Đ

**b**. Sản xuất công nghệ là hình thức quan trọng nhất của nền kinh tế tri thức. **Đ**

**c.** Kinh tế tri thức thúc đẩy Toàn cầu hóa diễn ra nhanh hơn. **Đ**

**d.** Kinh tế tri thức khiến tình trạng chảy máu chất xám của Việt Nam trở nên phổ biến hơn. Đ

**Câu 6**: HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện: sức khỏe, học vấn, thu nhập. Dựa vào chỉ tiêu này, Liên hợp quốc phân chia các nước thành nước có HDI rất cao (từ 0,800 trở lên), cao (từ 0,700 đến dưới 0,800), trung bình (từ 0,550 đến dưới 0,700) và thấp (dưới 0,550).

**a.** HDI là một chỉ tiêu phân loại trình độ phát triển giữa các nhóm nước.**S**

**b.** Một trong những thước đo trình độ học vấn là số năm đi học của người trên 25 tuổi.**Đ**

**c.** HDI cao thì tuổi thọ trung bình cao. **S**

**d.** Việt Nam và các nước đang phát triển khác có thu nhập bình quân đầu người cao do có tốc độ tăng trưởng GDP cao.**S**

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

**Câu 1.** Năm 2020, dân số của Mĩ La-tinh là 652,3 triệu người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động là 438,3 triệu người. Tính tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động của Mĩ La-tinh năm 2020 (làm tròn đến hàng đơn vị của %).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020 *(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Châu lục/quốc gia** | **Toàn thế giới** | **Hoa Kỳ** | **Châu Âu** | **Châu Á** | **Châu Phi** |
| GDP | 84906,81 | 20893,74 | 20796,66 | 32797,13 | 2350,14 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới *(lấy sau dấu phẩy 1 số)*

**Câu 3.** Năm 2020, GDP của Mĩ La-tinh đạt 4743,2 tỉ USD, dân số của Mĩ La-tinh là 652,3 triệu người. Tính bình quân GDP trên đầu người của Mĩ La-tinh năm 2020. (làm tròn đến hàng đơn vị của USD).

**Câu 4**. Năm 2021, biết GDP của Hoa Kì là 23 315,1 tỉ USD và GDP của Việt Nam là 366,1 tỉ USD. GDP của Hoa Kì gấp bao nhiêu lần GDP của Việt Nam*? (lấy sau dấu phẩy 1 số)*

**Câu 5.** Năm 2020, dân số của Hoa kì là 331,5 triệu người; GDP là 20 893,7 tỉ USD. Tính thu nhập bình quân đầu người của của Hoa Kì (nghìn USD/ người) *(làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)*

**Câu 6.** Năm 2019 giá trị xuất khẩu toàn thế giới là 24 791,1 tỉ USD; giá trị nhập khẩu là 24 348,1 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019. *(làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)*